

PHẦN MỘT

Vài nét đại cương về Kinh Lạy Cha

Trước hết, nên nhìn vào văn bản Kinh Lạy Cha một cách chung chung, theo dạng thái bề ngoài của từ pháp (morphologie), bằng cách trình bày bảng Nhất Lãm theo Máttêu và Luca. Sau đó, gắng tìm xét lại bối cảnh văn chương và xác định rõ ràng những hoàn cảnh nào Kinh Lạy Cha được giảng dạy. Phần kết sẽ nói sơ qua vấn đề nguồn gốc bản Kinh.

Chương một

Hai văn bản Kinh Lạy Cha

Tin mừng đặc biệt kể lại những lời nói và những việc Đức Giêsu làm. Qua Tin mừng, Kinh Lạy Cha được truyền lại bằng tiếng Hy Lạp. Nhưng Kinh Lạy Cha bằng tiếng Hy Lạp trong Tin mừng Máttêu và Luca chỉ là bản dịch những đến từ truyền thống Sêmit như tiếng Aramê và tiếng Hípri. Đức Giêsu đã dùng hai thứ tiếng này giảng dạy, vì vậy Aramê và Hípri là hai ngôn ngữ nguyên thủy mà Kinh Lạy Cha được cấu tạo nên ¹.

Mátthêu 6,9-13

9) Vậy anh em hãy cầu nguyện thế này
Lạy Cha chúng con ngự trên trời
Xin cho danh Cha hiển Thánh
10) Xin triều đại Cha mau đến
Xin ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời
11) Xin cho chúng con
ngày hôm nay bánh cần dùng
12) và xin tha nợ chúng con
như chúng con cũng tha
kẻ có nợ chúng con
13) Xin chớ để chúng con
sa chước cám dỗ
nhưng xin cứu chúng con khỏi quỷ dữ.

Luca 11,1-4

1) Đức Giêsu cầu nguyện ở nơi kia.
Người cầu nguyện xong, thì một
người trong nhóm môn đệ nói với
Người : « thưa Thầy, xin dạy chúng
con cầu nguyện, cũng như ông Gioan
đã dạy môn đệ của ông »
2) Người bảo các ông : Khi cầu nguyện
anh em hãy nói :
Lạy Cha
Xin cha danh Cha hiển thánh
Xin triều đại Cha mau đến
3) Xin cho chúng con
hằng ngày bánh cần dùng
4) Và xin tha tội chúng con
vì chúng con cũng tha
tất cả những kẻ có nợ chúng con
Và xin chớ để chúng con
sa chước cám dỗ

Bản văn Nhất Lãm theo thánh sử Máttêu dài hơn bản văn của thánh Luca. Tác giả Tin mừng thứ nhất, viết lời khẩn cầu mở đầu như sau : « *Lạy Cha chúng con, Đấng ngự trên trời* », trong khi thánh Luca giữ từ ngữ rất đơn giản lời kinh mở đầu : « *Lạy Cha* ».

¹ Thời Đức Giêsu, xứ Palestine và các miền cận Đông, tiếng Aramê là ngôn ngữ bình dân hằng ngày, rất thông dụng tại Ba tư để giao thiệp buôn bán. Thánh Kinh lại được viết bằng tiếng Hípri ; cho nên chỉ những người học mới đọc được mà thôi. Vì vậy Đức Giêsu giảng dạy cho các môn đệ hay dân chúng, rất có thể Người nói ngôn ngữ người dân dùng, là tiếng Aramê. Các sách Tin mừng lại được viết bằng tiếng Hy Lạp, và từ văn bản đó chúng ta có những bản dịch hiện tại.

Trong lời cầu thứ ba, Mátthêu ghi thêm lời cầu thứ bốn : « *xin cho ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời* » (10b).

Luca không ghi lại lời cầu xin thứ bảy có trong Mátthêu : « *nhưng xin cứu chúng con khỏi quỷ dữ* » (câu 13 b).

Tổng cộng Mátthêu bao gồm bảy lời xin và Luca chỉ có năm lời xin.

Dù những lời xin theo Mátthêu 6,11-12 và Luca 11,3-4 ab giống nhau, nhưng cũng có vài điểm khác biệt về thể văn và văn phạm. Rồi khi tìm hiểu đến bối cảnh văn chương cũng như trong hoàn cảnh nào Kinh Lạy Cha được giảng dạy thì ta thấy những điểm dị biệt càng rõ ràng hơn.

Chương hai

Bối cảnh văn chương Và những hoàn cảnh của Kinh Lạy Cha

A) **Bối cảnh văn chương :**

1. **Mátthêu 5-7 : Bài giảng trên núi.**

Mátthêu gom lại nơi hai chương 5-7 nhiều điều Đức Giêsu nói trong những hoàn cảnh khác nhau. Tác giả xếp đặt thành một bài giảng khai mạc Nước Trời. Câu mở đầu chương 5,1a ghi như sau : « *Thầy đăm đông, Đức Giêsu lên núi* ». Còn chương 8 câu 1 tác giả lại ghi : « *Đức Giêsu ở trên núi xuống* » sau khi Người vừa giảng dạy xong (Mátthêu 7,28) để kết thúc phân quen gọi là bài giảng trên núi.

Hai chương 5-7 theo Tin mừng Mátthêu, được trình bày như một tập hợp văn chương có cấu trúc rõ rệt. Chương này đưa ra một Đức Giêsu trước mặt các môn đệ (5,1) đã giảng dạy đăm đông tụ họp chung quanh (5,2 ; 7,28-29), và trình bày những điểm thiết yếu về cuộc sống đức tin, nhất là phong cách mới sống niềm tin trong Thiên Chúa. Dù lời giảng dạy mới dựa trên lề luật Môsê, nhưng Chúa Kitô có ý sửa đổi cách giữ đạo của các kinh sư và người Phariseu : « *Vậy Thầy bảo anh em biết, nếu anh em không ăn ở công chính hơn các kinh sư và người Phariseu thì sẽ chẳng được vào Nước Trời* » (Mátthêu 5,20). Người đến không để bãi bỏ lề luật hoặc lời các ngôn sứ nhưng làm cho kiện toàn (Mátthêu 5,17), cùng đưa sự toàn thiện quy hướng về Cha ở trên trời : « *Vậy, anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện* » (Mátthêu 5,48).

Theo nhà chú giải Joachim Jérémias, quan điểm của Đức Giêsu « *tương đương như sự dứt đoạn với lòng đạo đức Do thái* ». Sứ điệp mới đặt lại vấn đề về những khung Do thái giáo cổ nhằm khôi phục sự thuần khiết. Một Do thái đổi mới « *nhân bản hóa... giản dị và tổng hợp được chấm dứt trong lời tuyên xưng đức tin* ». Đức Giêsu gọi lại ý muốn Thiên Chúa với những đòi hỏi thật, cụ thể và cứng rắn ².

Mátthêu theo rất sát toàn bộ lời Đức Giêsu rao giảng, và xếp đặt lại theo cách thể của ông. Nơi chương 6,1-18 tác giả đưa ra huấn dụ về những việc đạo đức cho những ai tin và muốn theo Chúa Kitô : Đó là một lời mời gọi sống đức tin không như cách những người đạo đức giả, nhưng đúng cách Đức Giêsu đòi hỏi. Mátthêu minh họa ý tưởng trên như sau :

Nơi chương 6,2-4 : Hành động bác ái như Thiên Chúa muốn. Người thấy mọi sự trong bí mật.

Nơi chương 6,5-15 : Cầu nguyện đúng tư cách người môn đệ và được Thiên Chúa yêu thích. Trong đoạn liên quan đến cầu nguyện, Đức Giêsu dạy cho các môn đệ Kinh Lạy Cha (Mátthêu 6,9-13) như một khuôn mẫu lúc cầu nguyện; và thi hành việc đạo đức đừng nên giống như dân ngoại (6,8) lải nhải (Mátthêu 6,7). Mátthêu đặt Kinh Lạy Cha trong bối cảnh văn chương đó.

Nơi chương 6,16-18 : Đức Giêsu nhắc nhở phải ăn chay làm sao để sinh ơn ích, khác hẳn với thói phô bày của những người đạo đức giả (6,16).

Tiếp sau những lời giảng dạy khác, Mátthêu chấm dứt bài giảng trên núi bằng cách xác định : « *Khi Đức Giêsu giảng dạy những điều ấy xong, đăm đông sừng sốt về lời giảng dạy của Người, vì Người giảng dạy như một Đấng có thẩm quyền, chứ không như các kinh sư của họ* » (Mátthêu 7,18-29). Qua đoạn văn tác giả xác định rõ ràng như thể « *lời chúng* » làm cho ta phải đặt câu hỏi : Với bài giảng trên núi, ta thật sự có trước mắt bối cảnh đích thực và lịch sử mà Đức Giêsu dạy Kinh Lạy Cha không ?

Các nhà chú giải Thánh Kinh hiện nay xem bối cảnh bài giảng trên núi là một sự sắp đặt về văn chương ³. Họ đặc biệt chú ý đến bốn điểm :

a) **Dựa trên sự tìm hiểu nguồn gốc.**

² Joachim Jérémias, Paroles de Jésus, le Sermon sur la montagne, le Notre Père, Foi Vivante 7, Paris, 1969, trang 17-60. Tác giả giải nghĩa sự canh tân triệt để và thay đổi sâu xa bởi Đức Giêsu trong Do thái giáo, nhất là trên phương diện cầu nguyện.

³ W. D. Davies, Pour comprendre le Sermon sur la montagne, Paris 1970, trang 17-22.

Khoa tìm hiểu nguồn gốc mang mục đích dựng lại việc hình thành những văn bản Kinh Thánh hiện tại, bằng cách tìm tòi nguồn gốc bản văn, xem bản văn đó có thể có những thêm thắt, những thay đổi... Áp dụng cho bài giảng trên núi và toàn bộ cuốn Tin mừng theo Mátthêu, khoa này thấy có những yếu tố đến ít nhất từ ba nguồn khác nhau

- nguồn văn riêng của Máccô.
- nguồn văn chung của Mátthêu và Luca, được viết tắt bằng chữ Q⁴.
- nguồn văn riêng của Mátthêu.

Với ba nguồn tài liệu trên thì bài giảng trên núi là tập hợp những lời Đức Giêsu giảng dạy trong những hoàn cảnh khác nhau.

b) Dựa trên lịch sử văn thể.

Lịch sử văn thể cố gắng phân định thể văn của một đoạn Tin mừng, và thử tìm đặt vào lại trong khung cảnh sống mà đoạn văn được viết ra. Theo tiến trình hình thành, thì bài giảng trên núi bị ảnh hưởng đến từ Cộng đoàn Kitô giáo tiên khởi. Chuyện này dễ hiểu, vì giáo đoàn Kitô hữu đầu tiên có những nhu cầu riêng và họ ứng dụng cho thích hợp với những tư liệu truyền thống về Đức Giêsu lịch sử, nhưng không làm suy giảm giá trị thực chất Tin mừng cứu độ thừa ban đầu.

c) Dựa trên phê bình phụng vụ.

Khoa phê bình phụng vụ liên kết với lịch sử văn thể. Vì các cộng đoàn với nhu cầu phụng vụ cần có những « sách bài đọc » hay tài liệu dùng trong những buổi phụng vụ. Do đó bài giảng trên núi có thể được soạn để đáp ứng nhu cầu ở thời điểm nào đó trong năm phụng vụ.

d) Ngoài ra, Chúa Kitô với sứ mệnh cứu độ trần thế dạy cho các môn đệ cầu nguyện, và cho biết Kinh Lạy Cha là điều bình thường. Người không cần phải dạy trong khung cảnh một diễn từ thật dài mang nhiều huấn dụ khác nhau. Vì vậy, những yếu tố trong bài giảng trên núi chắc chắn được Mátthêu gom góp lại và viết thành một bài giảng khai mạc Nước Trời.

Tóm lại, vì nhu cầu và mối bận tâm truyền đạt Tin mừng Thiên Chúa, nên Mátthêu và truyền thống theo ông làm cho lời Chúa Giêsu rao giảng thích hợp đến những người nghe là những Kitô hữu gốc Do thái.

Luca cũng không thoát khỏi mối quan tâm truyền giáo, dù cuốn Tin mừng thứ ba được viết cho những Kitô hữu gốc ngoại giáo và theo văn hóa Hy Lạp.

2. Luca 9,51-19,28 : Hành trình lên Giêrusalem.

Luca dành một trình thuật rất dài trong Tin mừng thứ ba để kể cuộc hành trình Đức Giêsu lên thành Giêrusalem. Tác giả mở đầu đoạn này như sau : « *khi đã tới ngày Đức Giêsu được rước lên trời, Người nhất quyết lên Giêrusalem* » (Luca 9,51). Trong suốt cuộc hành trình đi từ Galilê xứ Giuđê băng qua ngã Samari, Đức Giêsu thường xuyên đàm đạo với các môn đệ và đào sâu huấn luyện họ những điều thiết yếu về triển vọng lễ Vượt Qua sẽ được thể hiện tại Giêrusalem. Người thức tỉnh tinh thần các môn đệ và giúp họ có một lòng tin, hầu cho họ hiểu sứ mệnh cần tiếp nối một mai khi Người già từ cuộc đời trần thế. Trước khi vượt giai đoạn chót cuộc hành trình vào Giêrusalem, Luca ghi nhận : « *Đức Giêsu nói những lời ấy xong, Người đi đầu, tiến lên Giêrusalem* » (Luca 19,28)⁵.

Luca gom góp vào trình thuật cuộc hành trình lên Giêrusalem những lời huấn dụ liên quan đến việc cầu nguyện (11,1-13), như trong bài giảng trên núi theo Mátthêu 6,5-15. Đức Giêsu đích thân ban cho các môn đệ mẫu mực cầu nguyện theo Kinh Lạy Cha : « *khi cầu nguyện anh em hãy nói : Lạy Cha...* » (11,2-4). Sau đó, Người mời gọi kiên tâm cầu nguyện với dụ ngôn người bạn quấy rầy (11,5-8) và khuyến khích họ thưa cùng Thiên Chúa là Cha với lòng tin tưởng (Luca 11,9-13).

⁴ Q = mẫu tự của từ Quelle tiếng Đức có nghĩa là nguồn. Theo thuyết hai nguồn văn, Tin mừng Máccô là sách cựa trào nhất. Cả hai tác giả Mátthêu và Luca đều sử dụng Máccô khi soạn Tin mừng của mình ; nhưng hai ông có những đoạn giống nhau và Máccô không có. Vì thế nhiều nhà chú giải mới có giả thiết, có một văn kiện gồm những lời và diễn từ của Đức Giêsu bằng tiếng Hy Lạp = Q ; và Mátthêu lẫn Luca đều lấy thêm tài liệu ra từ đó.

⁵ Luca khi hoàn thành Tin mừng đã dựa trên sơ đồ Tin mừng Máccô ở những điểm chính như : Đức Giêsu rao giảng ở xứ Galilê, cuộc hành trình lên Giêrusalem với cuộc thương khó và biến cố Phục Sinh. Thế nhưng, tác giả Luca làm nổi bật cuộc hành trình lên Giêrusalem của Đức Giêsu. Ông dành hơn 10 chương kể về việc này (9,51-19,28), trong khi Máccô chỉ viết trong vòng hai chương. Khi làm vậy chắc hẳn Luca phải có lý do : tác giả muốn cho thấy Đức Giêsu rất bận tâm đến các môn đệ, và sửa soạn cho họ công việc làm chứng cho Đấng Sống Lại sau biến cố Phục Sinh.

Khi phân tích trình thuật hành trình lên Giêrusalem, các nhà chú giải thường theo phương pháp phê bình nói ở đoạn trước. Họ nhận ra nhiều yếu tố đến từ nguồn văn theo Máccô, theo nguồn văn Q và theo nguồn văn riêng của Luca. Vì vậy, nhà chú giải Joachim Jérémias viết : « *ngay cả trong Luca, Kinh Lạy Cha cũng được trình bày trong khung cảnh một giáo huấn về sự cầu nguyện* » (Luca 11,1-13)⁶. Bởi đó bối cảnh hiện tại trong Tin mừng Luca là một công trình do tác giả và truyền thống theo ông biên soạn. Họ thử đáp lại cách duy nhất, là nhu cầu giáo lý với phương pháp giáo huấn riêng. Vì thế, Kinh Lạy Cha theo Luca không được lưu lại đúng khung cảnh đích thực và lịch sử như Đức Giêsu đã giảng dạy. Dù sao, Kinh Lạy Cha vẫn giữ ý nghĩa căn bản là kinh nguyện mới mà mọi thành phần trong Giáo hội rất cần.

Sau khi nhìn thoáng qua bối cảnh văn chương của Máttêu và Luca, ta thấy rõ kinh Lạy Cha được thuật lại và đặt vào hai hoàn cảnh khác nhau.

Tin mừng Máttêu được soạn cho những tín hữu gốc Do thái. Họ biết thế nào là cầu nguyện nhưng họ gặp phải khó khăn, nếu không muốn nói là lâm nguy, vì ảnh hưởng của các kinh sư và người Pharisêu. Do đó, Máttêu lấy Kinh Lạy Cha làm khuôn mẫu hầu lôi kéo họ trở về chính truyền.

Tin mừng Luca viết đặc biệt cho những Kitô hữu đến từ dân ngoại và họ cần được dạy cầu nguyện. Phần nhập đề ghi nhận Kinh Lạy Cha luôn luôn giữ một vị thế quan trọng trong đời sống cầu nguyện thời Giáo hội sơ khai. Kinh Lạy Cha trở thành phương cách người Kitô hữu dùng để học cầu nguyện và cách này chắc chắn hiệu nghiệm vì là ân huệ chính Chúa Kitô trao ban.

Hai tác giả Nhất Lãm Máttêu và Luca đều phù hợp trong cùng điểm trên. Hai ông đặt vào hai hoàn cảnh khác nhau hầu giúp độc giả học biết cầu nguyện đúng với Đức Giêsu và đẹp lòng Chúa Cha⁷.

Sau khi điem qua bối cảnh văn chương, vấn đề hoàn cảnh lịch sử cần được nêu ra. Đức Giêsu giảng dạy Kinh Lạy Cha trong hoàn cảnh lịch sử nào ? Lý do nào thúc đẩy Người dạy Kinh Lạy Cha cho họ ?

B. Những hoàn cảnh đưa đẩy Chúa Kitô dạy Kinh Lạy Cha

Điểm này cũng mang những dị biệt giữa hai tác giả Máttêu và Luca :

1. Máttêu 6,7-9 : Đức Giêsu khởi xướng.

Đọc lại Tin mừng thứ nhất, tác giả không nói gì đặc biệt đến hoàn cảnh Đức Giêsu dạy Kinh Lạy Cha. Phần bối cảnh cho thấy Máttêu lồng Kinh Lạy Cha vào bài giảng trên núi khi Đức Giêsu nói về cầu nguyện. Ta không mấy khó khăn nhận ra tính cách biên tập đưa vào đoạn Máttêu 6,1-18 bài diễn từ lớn : Ngôn từ về cầu nguyện (6,5-15) được lồng bằng một ngôn từ đầu tiên về việc đạo đức (6,1-4) và bằng một từ khác biệt về ăn chay (6,16-18).

Bố thí, cầu nguyện và ăn chay là ba thể thức căn bản thực hành sự công chính. Ai có lòng tin phải trung thành tuân giữ, nhưng không theo cách thức đạo đức giả của người Pharisêu. Một nhịp điệu hài hòa, cân đối đặc trưng lời giảng dạy ba phần :

Bố thí : “*vậy khi bố thí, đừng có khua chiêng đánh trống như bọn đạo đức giả... còn anh, khi bố thí...* » (2a,3a)

Cầu nguyện : “*và khi cầu nguyện, anh em đừng làm như bọn đạo đức giả... còn anh khi cầu nguyện...*”(5a,6a)

Ăn chay : “*còn khi ăn chay, anh em chớ làm bộ rầu rĩ như bọn đạo đức giả... còn anh khi ăn chay...*” (16a,17a)

Ba đoạn văn thật cân đối cho ta suy ra ý tưởng những người đạo đức giả bị mất tín nhiệm, và ý hướng mới để giữ công chính hay hơn được chỉ rõ ràng nơi câu cuối : “*còn anh...*”. Nhịp điệu bị gãy với ngôn từ về cầu nguyện trong những câu 7 đến 15 liên quan đến Kinh Lạy Cha. Câu văn vẫn cấu tạo cùng sơ đồ, nhưng ở đây những người đạo đức giả thay thế bằng chữ “*dân ngoại*” :

⁶ Joachim Jérémias, Théologie du Nouveau testament, cuốn I, Paris 1973, trang 243-244.

⁷ Joachim Jérémias, Paroles de Jésus, sách đã dẫn, trang 73-74 : sự khác biệt được giải thích bởi cái đa tạp do những người nhận lãnh Tin mừng cùng với những tình trạng đa dạng của nó. Xem thêm Han Van Den Bussche, le Notre Père, Bruxelles 1960, trang 14, mang cùng ý trên.

“*Khi cầu nguyện, anh em đừng lái nhái như dân ngoại...Vậy, anh em hãy cầu nguyện như thế này...*” (7a, 9a)

Dù cách cấu tạo giống nhau nhưng đoạn đầu Kinh Lạy Cha có một chút khác biệt với những đoạn về bố thí, cầu nguyện và ăn chay. Ý tưởng mới khai mào bằng thể cách mệnh lệnh (Impératif), ngôi thứ hai số nhiều : “*vậy, anh em...*”. Với ngôn từ cầu nguyện này (5-6), nhịp điệu văn chương được sáng tỏ qua Kinh Lạy Cha, (7,15) làm cho thấy cách xếp đặt tuyệt diệu như đoạn văn của bài giảng trên núi. Ngược lại, Kinh Lạy Cha thêm vào chỗ này lại phù hợp và làm phong phú thêm giáo thuyết về cầu nguyện theo Mátthêu⁸. Ý tác giả không muốn cộng đoàn mang lòng đạo đức cầu nguyện để khoe khoang với mọi người như những người đạo đức giả, hay lái nhái cường bức thần thánh như dân ngoại⁹. Kinh nguyện dân ngoại không sai vì dài dòng văn tự nhưng họ sai ở điểm nghĩ rằng lái nhái gây được sức bắt ép trên thần linh¹⁰.

Dầu sao môi trường lịch sử thật xa vời và không có gì chính xác. Ta vẫn còn trong khung giáo lý về tinh thần cầu nguyện thời giáo hội tiên khởi. Mátthêu vận dụng nghệ thuật sư phạm và giáo huấn. Khi làm vậy, tác giả không phản ý Chúa Kitô, luôn luôn chống lại nhóm Pharisêu và đưa cách sống đạo hợp với lề luật đúng chiều kích đích thực. Do đó, Mátthêu cố gắng trình bày Kinh Lạy Cha cho phù hợp với tác giả. Và muốn lời giáo huấn của mình thêm sức mạnh, có uy thế, cho nên Mátthêu đã lấy khung cảnh chính Chúa Kitô có sáng kiến dạy Kinh Lạy Cha cho những người thân cận với uy quyền của Ngài : “*vậy, anh em hãy cầu nguyện như thế này...*”.

2. Luca 11,1 : Theo lời một môn đệ xin.

Bối cảnh theo Luca, tác giả lồng Kinh Lạy Cha vào một tổng thể giáo thuyết. Do vậy hoàn cảnh này dường như phản ảnh thực tại lịch sử có thể là thực¹¹. Ta thấy thể thức văn chương và lịch sử diễn ý rõ ràng hơn. Luca 11,1 trung ra nguyên nhân đưa đến việc giảng dạy Kinh Lạy Cha. Câu văn mang hai phần quan trọng:

câu 1a : “*Lân kia, Người cầu nguyện ở một nơi nọ...*”

Trong Tin mừng thứ ba, tác giả hay kể Đức Giêsu cầu nguyện. Đây là điểm đặc biệt của Luca. Ngay trong những đoạn văn song song với Tin mừng Nhất Lãm khác : ví dụ như trong Máccô, khi tác giả này không nói gì đến việc Chúa Giêsu cầu nguyện, thì đoạn song song bên Luca lại thấy Đức Giêsu cầu nguyện¹². Ngoài ra, Luca lại có thêm những đoạn văn riêng nói đến vấn đề trên : Luca 10,21; 11,1; 22,40-44. Ta thấy từ ngữ và lối hành văn ở câu 1a mang nét đặc thù của Luca¹³. Tác giả hay dùng từ “*En Tò*” chỉ thời gian, và đi sau động từ “*kai egeneto*” để nối với đoạn văn trước. Lối cấu trúc này Luca thường dùng để bắt đầu những đoạn quan trọng¹⁴.

câu 1b : “*Người (cầu nguyện) xong, thì một môn đệ thưa Người : Thưa thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện như Gioan đã dạy các môn đệ của ông*”.

Vào thời Đức Giêsu rao giảng, có rất nhiều nhóm tôn giáo hoạt động. Mỗi nhóm đều mang sắc thái riêng biệt, ví dụ nhóm Pharisêu hay các thầy ần sĩ Êtxêno có một hình thức và luật lệ riêng về kinh nguyện. Còn Luca trong câu 11,1b lại cho chúng ta biết môn đệ ông Gioan cũng được dạy cầu nguyện. trong các cuộc tranh luận giữa Đức Giêsu với nhóm Pharisêu và với các kinh sư qua vấn đề ăn chay, khi họ nói với Người : “*Môn đệ của Gioan ăn chay luôn và ra công cầu nguyện; cả môn đệ của nhóm Pharisêu cũng vậy, còn môn đệ của Thầy lại cứ ăn cứ uống*” (Mátthêu 9,14-15 = Máccô 2,15-20 =

⁸ Jacques Dupont, Les Béatitudes, cuốn 1, trang 66 ; và W. Marchel, Abba, Père ! La prière du Christ et chrétiens, Rome 1963, trang 193.

⁹ Heinz Schurmann, La prière du Seigneur à la lumière de la prédication de Jésus, Paris 1965, trang 110.

¹⁰ P. Bonnard, L'Évangile selon Saint Matthieu, Delachaux, trang 80.

¹¹ W. Marchel, Abba, Père ! sách đã dẫn , trang 193-194 ; M.J. Lagrange, L'Évangile selon Saint Luc, Paris 1941, trang 320.

¹² So sánh : Luca 3,21= Máccô 1,9 ; Luca 5,16 = Máccô 1,45 ; Luca 5,33 = Máccô 2,18 ; Luca 6,12 = Máccô 3,13 ; Luca 9,18 = Máccô 8,27 ; Luca 9,28 = Máccô 9,2 ; Luca 22,32 = Máccô 14,29 ; Luca 22,45 = Máccô 14,37 ; Luca 23,34 = Máccô 15, 24 ; Luca 23,46 = Máccô 15,37 v.v... và thỉnh thoảng, Máccô cũng có viết riêng việc Chúa cầu nguyện như Máccô 1,35 và 6,46.

¹³ J.H. Moulton, A Grammar of New testament greek, tome II, Edimbourg 1919, trang 18-21 và 425-428.

¹⁴ M.J. Lagrange, L'Évangile selon Saint Luc, sách đã dẫn, trong chương nhập đề trang XCVIII, ví dụ như Luca 5,12 ; 7,11 ; 8,1 ; 18.29.33; 14,1; 17,11.14; 19,15; 24,4.15.30.51.

Luca 5,33-35). Mỗi nhóm tôn giáo đều có cách xử sự riêng, nhất là việc cầu nguyện nêu rõ đặc tính và giữ luôn thể tính hiệp nhất của nhóm. Vì vậy khi Thầy mình dạy cầu nguyện, các môn đệ nêu ý thức muốn kết thành một cộng đoàn chung quanh Người. Họ xin một kinh nguyện tạo liên kết cho nhau, và đây chính là dấu chỉ đặc thù diễn đạt những gì họ giữ trong lòng.

Theo Luca, Đức Giêsu đáp lời thỉnh cầu và dạy môn đệ Kinh Lạy Cha : “*khi cầu nguyện, anh em hãy nói : Lạy Cha...*” (11,2-4). Từ đó Kinh Lạy Cha được khai sinh thành dấu chỉ đặc thù cho các môn đệ được Người tập hợp thành cộng đoàn cứu rỗi¹⁵.

Mátthêu và Luca đưa ra hai hoàn cảnh khác nhau để giải thích một sự kiện. Theo một số nhà chú giải Thánh Kinh còn nghĩ rằng Đức Giêsu dạy Kinh Lạy Cha vào hai thời điểm khác nhau.

3) Đức Giêsu dạy Kinh Lạy Cha hai lần khác nhau (giả thuyết nhiều mới).

Nhà chú giải Joachim Jérémias chấp nhận “giả thuyết nhiều mới”, nhưng ông lưu ý cho ta thấy: “*Đức Giêsu có thể dạy các môn đệ Kinh Lạy Cha dưới hai hình thức, một ngắn, một dài, trong những trường hợp khác nhau*”¹⁶. Còn lại những trường hợp khác, có thể là một lần đầu trước đám đông với những bài giảng trên núi, và một lần khác Đức Giêsu chỉ dạy riêng nhóm môn đệ. Giả thuyết này giải quyết nhiều khó khăn, nhưng vì quá hay nên khó có thể là thật. Ông A. Plummer còn đi xa hơn : Đức Giêsu có thể tự phát dạy Kinh Lạy Cha lần đầu cho số lớn môn đệ. Dĩ nhiên một số môn đệ khác lúc đó vắng mặt. Vì thế, trong lần khác với nhóm nhỏ và theo lời yêu cầu của một môn đệ, Người dạy Kinh Lạy Cha lần thứ hai¹⁷.

Tóm lại, “*giả thuyết nhiều mới*” đặt lý lẽ trên sự khác biệt giữa hai bối cảnh theo Matthêu và Luca. Thêm nữa, trong Tin mừng, Đức Giêsu đã đôi lần lập lại những lời giảng dạy như dụ ngôn về người gieo giống, Kinh nguyện vui mừng...¹⁸.

Ngoài dữ kiện bối cảnh văn chương và hoàn cảnh, cần đề cập tới khung cảnh lịch sử, ngày và nơi Kinh Lạy Cha được khai sinh. Tin mừng Matthêu đặt Kinh Lạy Cha vào thời gian đầu cuộc đời công khai và mục vụ của Chúa Kitô, được lồng trong khung cảnh bài giảng trên núi. Luca đặt Kinh Lạy Cha trễ hơn, ở một khác hầu cho khung cảnh lịch sử có thể xác thực hơn. Trước khi Chúa Giêsu dạy Kinh Lạy Cha cho môn đệ, theo Luca, Người đã đến gặp gỡ chị em Máтта và Maria ở làng Bêthania. Vì vậy, các nhà chú giải đều phỏng đoán Đức Giêsu đã giảng Kinh Lạy Cha chung quanh vùng Bêthania, gần vườn cây dâu. Ngày nay, một ngôi thánh đường được dựng nên với những bảng khắc Kinh Lạy Cha bằng nhiều ngôn ngữ và được gọi là thánh đường Kinh Lạy Cha¹⁹.

C) Kết luận : Vấn đề nguồn gốc văn bản

Trước khi chấm dứt phần nhất, tưởng nên nhắc đến vấn đề nguồn gốc Kinh Lạy Cha. Trong phần tìm hiểu bối cảnh và hoàn cảnh, có một nhận xét được đặt ra, xem hai tác giả Matthêu và Luca đã dùng truyền thống văn chương truyền khẩu hay văn chương viết ? Và hai ông dùng tất cả bao nhiêu nguồn văn ?²⁰.

Xứ Palestine và các miền Cận Đông thời Đức Giêsu dùng tiếng Aramê. Kinh Thánh Cựu ước lại viết bằng tiếng Hípri. Còn Tin mừng Matthêu và Luca viết bằng tiếng Hylạp. Khi dạy Kinh Lạy Cha, Đức Giêsu nói bằng tiếng Aramê hay tiếng Hípri ? bởi thế có nhiều giả thuyết cắt nghĩa hai văn bản Kinh Lạy Cha :

- 1) Hai văn bản này có thể được khai triển độc lập từ một nguồn văn duy nhất bằng tiếng Aramê. Văn bản đó có khác biệt do mỗi tác giả hoặc cả hai gây ra. (hình 1)
- 2) Hai văn bản đến từ một nguồn văn gốc bằng tiếng Aramê và được dịch ra tiếng Hylạp. Vì vậy có khác biệt đi từ bản gốc bằng tiếng Hylạp. (hình 2)

¹⁵ Joachim Jérémias, Paroles de Jésus, sách đã dẫn, trang 81. I. Howard Marshall, The Gospel of Luke, A commentary on the greek text, Grand rapids Michigan, trang 456.

¹⁶ Joachim Jérémias, Paroles de Jésus, sách đã dẫn trang 77.

¹⁷ W. Marchel Abba, Père ! sách đã dẫn trang 192, bị chú 48.

¹⁸ J. De Fraine, article Oraison Dominicale in Dictionnaire de la Bible, Supplément, tome VI, cột 792.

¹⁹ Xem Oraison Dominicale, cột 791. Nơi Thánh đường này có bảng Kinh Lạy Cha bằng tiếng Việt Nam do cha Giuse Nguyễn Công Lý OP. lập năm 1961 khi ngài du học tại Trường Thánh Kinh Jérusalem.

²⁰ W. Marchel, Abba, Père ! sách đã dẫn, trang 194-195.

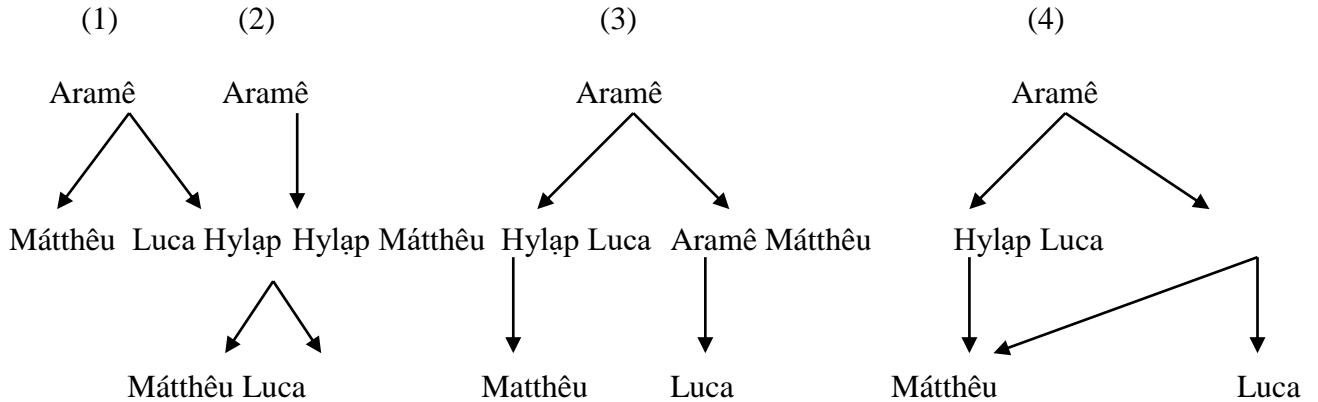
3) Có hai truyền thống bằng tiếng Hylạp độc lập : truyền thống truyền khẩu và truyền thống viết theo Mátthêu và theo Luca. Thêm vào đó, mỗi tác giả vẫn dựa trên nguồn gốc Aramê nguyên thủy. (hình 3)

4) Có hai truyền thống khác nhau:

Truyền thống truyền khẩu và viết bằng tiếng Hylạp theo Luca.

Truyền thống truyền khẩu và viết bằng tiếng Aramê theo Mátthêu.

Những truyền thống này đưa đến hai văn bản hiện tại có đặc điểm : bản văn bằng tiếng Hylạp theo Mátthêu, có những từ ngữ gần với truyền thống Hylạp theo Luca, trong sự biên tập cuối cùng của bản văn. (hình 4)



Với quá nhiều giả thuyết nên một số nhà chú giải hôm nay nghĩ rằng Đức Giêsu chỉ dạy Kinh Lạy Cha có một lần thôi. Ý kiến chung hiện thời đều đồng ý với giả thuyết có cùng một văn bản bằng tiếng Hylạp, song khai triển ra hai hình thức Kinh Lạy Cha. Giả thuyết này giải thích luôn sự tương hợp từ ngữ giữa hai văn bản. Mátthêu và Luca lấy Kinh Lạy Cha chung từ một nguồn gốc dịch ra tiếng Hylạp và chứa đựng một nội dung cổ truyền ²¹.

²¹ Heinz Schurmann, *La Prière du Seigneur*, sách đã dẫn, xem trang 11, và bị chú 2.